ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55 /2023/QĐ-UBND	*Long An, ngày 22 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia; xây dựng quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHCN ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật dịch

vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; đo liều chiếu xạ cá nhân; kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2044/TTr-SKHCN ngày 14/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này. Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu, sự phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương của định mức nêu trên khi triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 /01/2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành và đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Phòng: KTTC, THKSTTHC;
- Lưu: VT, Quoc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /2023/QĐ-UBND ngày 22 /12/2023 của UBND tỉnh)

Chương I
HƯỚNG DẪN CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật này làm cơ sở ban hành đơn giá, giá để giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, xây dựng và thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 2. Nội dung định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, bao gồm các nội dung sau:

1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Định mức lao động là thời gian lao động trực tiếp và gián tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể) và thời gian lao động phục vụ trong quá trình kiểm tra nghiệm thu sản phẩm, cụ thể:

Định mức lao động = Định mức lao động trực tiếp (thực hiện) + Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ)

Trong đó:

- Định mức lao động trực tiếp là thời gian thực hiện xong một dịch vụ sự nghiệp công;

- Định mức lao động gián tiếp quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của lao động trực tiếp.

2. Định mức sử dụng máy móc thiết bị

Định mức máy móc, thiết bị là thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Nội dung định mức sử dụng máy móc thiết bị xây dựng gồm:

- Xác định danh mục, chủng loại máy móc, thiết bị;

- Xác định thông số kỹ thuật cơ bản của máy móc, thiết bị;

- Xác định thời gian sử dụng từng chủng loại máy móc, thiết bị bao gồm: thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư, điện năng, nhiên liệu trong thời gian sử dụng); thời gian máy chạy không tải (không tiêu hao vật tư);

3. Định mức sử dụng vật tư

Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên vật liệu, vật tư cần thiết để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Nội dung định mức sử dụng vật tư xây dựng gồm:

- Xác định danh mục, chủng loại vật tư, vật liệu cần thiết để sản xuất theo từng nội dung công việc tạo ra một đơn vị sản phẩm;

- Xác định số lượng/khối lượng theo từng loại vật tư, căn cứ vào chủng loại thiết bị, thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư);

- Xác định tỷ lệ (%) thu hồi vật tư, căn cứ vào đặc điểm, tính chất của vật tư để tính tỷ lệ (%) thu hồi.

Điều 3. Kết cấu bảng định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm các nội dung sau:

1. Kết cấu bộ định mức

Kết cấu bộ định mức bao gồm 2 phần:

- Phần 1: Hướng dẫn chung.

- Phần 2: Định mức chi tiết.

2. Kết cấu bảng định mức

Mỗi bảng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được trình bày bao gồm: Mã định mức, nội dung định mức, thành phần hao phí; trong đó:

- Nội dung định mức: Bao gồm các thành phần và mức hao phí về: Nhân công; Máy, thiết bị thi công; vật liệu để thực hiện dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Thành phần hao phí: Là các nội dung công việc chính thực hiện dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Danh mục kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, bao gồm:

STT	Mã định mức	Nội dung định mức
1	**ĐM.01**	**Định mức Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ**
2	**ĐM.02**	**Định mức Kiểm định phương tiện đo, chuẩn đo lường**
	ĐM.02.01	Kiểm định cột đo xăng dầu
	ĐM.02.02	Kiểm định nhiệt kế y học
	ĐM.02.03	Kiểm định cân phân tích và cân kỹ thuật
	ĐM.02.04	Kiểm định cân ô tô
	ĐM.02.05	Kiểm định cân bàn và cân đĩa
	ĐM.02.06	Kiểm định cân đồng hồ lò xo
3	**ĐM.03**	**Định mức Hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường**
	ĐM.03.01	Hiệu chuẩn cân phân tích và cân kỹ thuật
	ĐM.03.02	Hiệu chuẩn cân ô tô
	ĐM.03.03	Hiệu chuẩn cân bàn và cân đĩa
4	**ĐM.04**	**Định mức Dịch vụ tư vấn, duy trì ISO 9001 trong các cơ quan hành chính**
	ĐM.04.01	Tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN cấp chi cục hoặc tương đương trực thuộc cơ quan cấp Sở, cấp cục trên địa bàn tỉnh, cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện
	ĐM.04.02	Tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN UBND cấp xã
5	**ĐM.05**	**Đinh mức Tổ chức triển lãm khoa học và công nghệ**
6	**ĐM.06**	**Định mức Điều tra thống kê khoa học và công nghệ**
7	**ĐM.07**	**Định mức Dịch vụ đo liều chiếu xạ cá nhân**

	ĐM.07.01	Kiểm xạ phòng chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế
	ĐM.07.02	Kiểm xạ thiết bị phát bức xạ cố định dùng trong công nghiệp (thiết bị phân tích huỳnh quang tia X, thiết bị soi kiểm tra bo mạch, soi kiểm tra an ninh, thiết bị đo chiều dày, thiết bị đo mức)
8	**ĐM.08**	**Đinh mức Dịch vụ kiểm định thiết bị ghi đo bức xạ**
	ĐM.08.01	Kiểm định thiết bị X-quang tổng hợp dùng trong y tế
	ĐM.08.02	Kiểm định thiết bị X-quang di động dùng trong y tế
	ĐM.08.03	Kiểm định thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình dùng trong y tế
	ĐM.08.04	Kiểm định thiết bị chụp cắt lớp vi tính dùng trong y tế
	ĐM.08.05	Kiểm định thiết bị X-quang chụp vú dùng trong y tế
	ĐM.08.06	Kiểm định thiết bị X-quang chụp răng dùng trong y tế

Chương II
ĐỊNH MỨC CHI TIẾT

Điều 4. Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ (ĐM.01)

a) Thành phần công việc

(1) Thu thập tin, bài từ các nguồn tin trên mạng internet, báo, tạp chí, kết quả nghiên cứu, phỏng vấn trực tiếp; sự kiện, hội nghị, hội thảo.

(2) Viết bài từ thông tin thu thập được.

(3) Tổng hợp bài viết và biên tập.

(4) Trình bày và thiết kế bản tin.

(5) Trình các cấp thẩm quyền phê duyệt.

(6) Phát hành bản tin: trên trang thông tin điện tử, qua email.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

Đơn vị tính: 01 Số

Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	*2*	*3*
Nhân công		
Lao động trực tiếp		
Chuyên viên/Kỹ sư hạng III bậc 4/9 hoặc tương đương	Công	22,08
Chuyên viên/Kỹ sư hạng III bậc 6/9 hoặc tương đương	Công	0,25
Lao động gián tiếp (tương đương 15%)	Công	3,3495
Máy móc thiết bị sử dụng		
Máy tính	Ca	22,08

Điều 5. Kiểm định phương tiện đo, chuẩn đo lường (ĐM.02)

1. Kiểm định cột đo xăng dầu (ĐM.02.01)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu kiểm định;
- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ kiểm định;
- Tiến hành kiểm định:
  + Kiểm tra bên ngoài;
  + Kiểm tra kỹ thuật;

+ Kiểm tra đo lường;

+ Kiểm tra cơ cấu in;

- Xử lý số liệu;

- Báo cáo kết quả kiểm định;

- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Cột đo/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp					1,31
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
2	Chuẩn bị Chuẩn kiểm định	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,16
3	Thực hiện kiểm định				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,1
3.2	Kiểm tra kỹ thuật	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,1
3.3	Kiểm tra đo lường	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,5
3.4	Kiểm tra cơ cấu in	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,08
4	Xử lý số liệu, báo cáo kết quả	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)					0,13
Cộng Định mức lao động					1,44

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính (ca)*	Định mức
1	Bộ bình chuẩn kim loại có dung tích thích hợp	- Cấp chính xác (hoặc ĐKĐBĐ): ≤ 0,1	Ca	1

2	Ống đong chia độ	- Phạm vi đo: 100 mL - Sai số lớn nhất cho phép: ± 5 mL - Giá trị độ chia: ≤ 5mL	Ca	1
3	Nhiệt kế	- Phạm vi đo: (0 ÷ 50) °C - Giá trị độ chia: ≤ 1 °C	Ca	1
4	Đồng hồ bấm giây	- Giá trị độ chia: 1 s	Ca	1
5	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,25
6	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0.25
7	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,25
8	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,25

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Khẩu trang y tế	Cái	2
10	Găng tay	Đôi	2
11	Giấy lau	Hộp	0,3
12	Giày bảo hộ	Đôi	2
13	Chì niêm phong	Viên	2
14	Dây kẽm niêm phong	m	1
14	Tem kiểm định	Cái	1
15	Tem niêm phong	Cái	4
16	Điện năng	kWh	2

2. Kiểm định nhiệt kế y học (ĐM.02.02)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu kiểm định;

- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ kiểm định;
- Tiến hành kiểm định:
  + Kiểm tra bên ngoài;
  + Kiểm tra đo lường;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định;
- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Thiết bị/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp					1,495
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
2	Chuẩn bị Chuẩn kiểm định	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125
3	Tiến hành				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125
3.2	Kiểm tra đo lường	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	1
4	Xử lý chung – Báo cáo kết quả	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp					0,15
Cộng Định mức lao động					1,645

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính (ca)	Định mức
1	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	Phạm vi đo: (34÷52) ^{o}C Giá trị độ chia: 0.05 ^{o}C Độ KĐBĐ: không lớn hơn 0.02 ^{o}C	Ca	1

2	Các bình điều nhiệt chất lỏng	Phạm vi đo phù hợp với phạm vi kiểm định Độ ổn định không lớn hơn: ± 0,02 ^{o}C. Độ đồng đều không lớn hơn: ± 0,01 ^{o}C.	Ca	1
3	Nguồn chuẩn bức xạ vật đen	Phạm vi đo phù hợp với phạm vi kiểm định Độ KĐBĐ: không lớn hơn 0.05 ^{o}C	Ca	1
4	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	1
5	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,125
6	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
7	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125
8	Nhiệt ẩm kế	Phạm vi đo nhiệt độ: **(0÷50)°C** Phạm vi đo độ ẩm: **(10÷99)%RH**	Ca	1
9	Kính phóng đại	Độ phóng đại không nhỏ hơn 4X	Ca	1

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Khẩu trang y tế	Cái	1
10	Găng tay	Đôi	1
11	Giấy lau	Hộp	0,3
12	Dép đi trong phòng	Đôi	1

13	Cồn	Lít	0,01
14	Tem kiểm định	Cái	1
15	Điện năng	kWh	2

3. Kiểm định cân phân tích và cân kỹ thuật (ĐM.02.03)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu kiểm định;
- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ kiểm định;
- Tiến hành hiệu chuẩn:
  + Kiểm tra bên ngoài;
  + Kiểm tra kỹ thuật;
  + Kiểm tra đo lường;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định;
- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Thiết bị/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)*
Định mức lao động trực tiếp					1,11
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
2	Chuẩn bị	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125
3	Tiến hành				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
3.2	Kiểm tra kỹ thuật	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
3.3	Kiểm tra đo lường	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25
4	Xử lý chung – báo cáo kết quả	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)					0,11
Cộng Định mức lao động					1,22

- Định mức thiết bị

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức thiết bị
1	Bộ quả cân chuẩn	CCX: E2	Ca	0,25
		CCX: F1		
		CCX: F2		
2	Nhiệt ẩn kế	Pham vi đo nhiệt độ: **(0- +50)°C** Phạm vi đo độ ẩm: **(10-99)%RH**	Ca	1,0
3	Đèn pin	Loại thông dụng	Ca	0,125
4	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	1,0
5	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,125
6	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
7	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	quyển	1,0
2	Giấy A4	ram	0,15
3	Mực in laser	hộp	0,05
4	Ghim	hộp	0,1
5	Bút ghi chép	cái	1,0
6	Cặp kẹp biên bản	cái	1,0
7	File tài liệu	cái	1,0
8	Túi đựng tài liệu	cái	1,0
9	Pin tiểu	viên	3,0
10	Khẩu trang y tế	cái	1,0
11	Găng tay	đôi	1,0
12	Giấy lau	hộp	0,3
13	Dép đi trong phòng	đôi	1,0
14	Tem kiểm kiểm định	cái	1,0
15	Tem niêm phong	cái	4,0
16	Điện năng	kW	2,0

4. Kiểm định cân ô tô (ĐM.02.04)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu kiểm định;
- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ kiểm định;
- Tiến hành kiểm định:
  + Kiểm tra bên ngoài;
  + Kiểm tra kỹ thuật;
  + Kiểm tra đo lường;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định;
- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Thiết bị/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp					***3,16***
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
2	Chuẩn bị Chuẩn kiểm định	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,26
3	Tiến hành				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,26
3.2	Kiểm tra kỹ thuật	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,26
3.3	Kiểm tra đo lường	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	1,26
4	Xử lý số liệu - Báo cáo kết quả	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	1
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp (10% Định mức lao động trực tiếp)					***0,32***
Cộng Định mức lao động					3,48

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính (ca)	Định mức

1	Quả cân chuẩn 500 kg	- Cấp chính xác: M - Số lượng: 48 quả	Ca	1
2	Quả cân chuẩn 20 kg	- Cấp chính xác: M - Số lượng: 10 quả	Ca	1
3	Quả cân chuẩn 1 kg	- Cấp chính xác: M - Số lượng: 20 quả	Ca	1
4	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	1
5	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,5
6	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,5
7	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,25

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Khẩu trang y tế	Cái	2
10	Găng tay	Đôi	2
11	Giấy lau	Hộp	0,3
12	Giày bảo hộ	Đôi	2
13	Thước cuộn (trên 20m)	Cái	1
14	Tem kiểm định/hiệu chuẩn	Cái	1
15	Tem niêm phong	Cái	4
16	Điện năng	kWh	2

5. Kiểm định cân bàn và cân đĩa (ĐM.02.05)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu kiểm định;
- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ kiểm định;

- Tiến hành kiểm định:
  + Kiểm tra bên ngoài;
  + Kiểm tra kỹ thuật;
  + Kiểm tra đo lường;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định;
- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Thiết bị/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	**Vị trí**	**Chức danh**	**Định mức (công)**
Định mức lao động trực tiếp					1,77
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
2	Chuẩn bị Chuẩn kiểm định	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,26
3	Tiến hành				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,13
3.2	Kiểm tra kỹ thuật	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,13
3.3	Kiểm tra đo lường	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,63
4	Xử lý số liệu - Báo cáo kết quả	02	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,5
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)					0,18
Cộng Định mức lao động					1,95

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính (ca)*	Định mức
1	Quả cân chuẩn có tổng khối lượng đến 5000 kg (gồm quả 1	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,5

	kg, 2 kg, 5 kg, 10 kg, 20 kg, 500 kg)			
2	Bộ quả cân đến 200 g	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,5
3	Bộ quả cân xác định sai số	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,5
4	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,5
5	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,5
6	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,25
7	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,25

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Khẩu trang y tế	Cái	2
10	Găng tay	Đôi	2
11	Giấy lau	Hộp	0,3
12	Giày bảo hộ	Đôi	2
13	Thước cuộn (trên 2 m)	Cái	1
14	Tem kiểm định	Cái	1
15	Tem niêm phong	Cái	3
16	Điện năng	kWh	2

6. Kiểm định cân đồng hồ lò xo (ĐM.02.06)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu kiểm định;
- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ kiểm định;
- Tiến hành kiểm định:

+ Kiểm tra bên ngoài;

+ Kiểm tra kỹ thuật;

+ Kiểm tra đo lường;

- Xử lý số liệu;

- Báo cáo kết quả kiểm định;

- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Thiết bị/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp					0,815
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
2	Chuẩn bị Chuẩn kiểm định	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,065
3	Tiến hành				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,065
3.2	Kiểm tra kỹ thuật	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,065
3.3	Kiểm tra đo lường	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25
4	Xử lý số liệu - Báo cáo kết quả	01	Kiểm định viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)					0,082
Cộng Định mức lao động					0,897

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính (ca)	Định mức
1	Quả cân chuẩn có tổng khối lượng đến 150 kg (gồm quả 0,5 kg; 1 kg; 2 kg; 5 kg; 10 kg; 20 kg)	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,25
2	Bộ quả cân đến 200 g	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,25

3	Bộ quả cân xác định sai số	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,25
4	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,25
5	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,25
6	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,25
7	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,25

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Khẩu trang y tế	Cái	2
10	Găng tay	Đôi	2
11	Giấy lau	Hộp	0,3
12	Giày bảo hộ	Đôi	2
13	Tem kiểm định	Cái	1
14	Tem niêm phong	Cái	2
15	Điện năng	kWh	2

Điều 6. Hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường (ĐM.03)

1. Hiệu chuẩn cân phân tích và cân kỹ thuật (ĐM.03.01)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu hiệu chuẩn;
- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ hiệu chuẩn;
- Tiến hành hiệu chuẩn:
  + Kiểm tra bên ngoài;
  + Kiểm tra kỹ thuật;
  + Kiểm tra đo lường;

- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả hiệu chuẩn;
- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Thiết bị/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)*
Định mức lao động trực tiếp					1,11
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
2	Chuẩn bị	01	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125
3	Tiến hành				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	01	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
3.2	Kiểm tra kỹ thuật	01	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
3.3	Kiểm tra đo lường	01	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25
4	Xử lý chung – báo cáo kết quả	01	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp					0,11
Cộng Định mức lao động					1,22

- Định mức thiết bị

STT	Tên thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức thiết bị
1	Bộ quả cân chuẩn	CCX: E2	Ca	0,25
		CCX: F1		
		CCX: F2		
2	Nhiệt ẩn kế	Pham vi đo nhiệt độ: **(0- +50)°C** Phạm vi đo độ ẩm: **(10-99)%RH**	Ca	1,0
3	Đèn pin	Loại thông dụng	Ca	0,125
4	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	1,0
5	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,125
6	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
7	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	quyển	1,0
2	Giấy A4	ram	0,15
3	Mực in laser	hộp	0,05
4	Ghim	hộp	0,1
5	Bút ghi chép	cái	1,0
6	Cặp kẹp biên bản	cái	1,0
7	File tài liệu	cái	1,0
8	Túi đựng tài liệu	cái	1,0
9	Pin tiểu	viên	3,0
10	Khẩu trang y tế	cái	1,0
11	Găng tay	đôi	1,0
12	Giấy lau	hộp	0,3
13	Dép đi trong phòng	đôi	1,0
14	Tem hiệu chuẩn	cái	1,0
15	Điện năng	kW	2,0

2. Hiệu chuẩn cân ô tô (ĐM.03.02)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu hiệu chuẩn;
- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ hiệu chuẩn;
- Tiến hành hiệu chuẩn:
  + Kiểm tra bên ngoài;
  + Kiểm tra kỹ thuật;
  + Kiểm tra đo lường;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả hiệu chuẩn;
- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Thiết bị/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp					3,16
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06

2	Chuẩn bị Chuẩn hiệu chuẩn	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,26
3	Tiến hành				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,26
3.2	Kiểm tra kỹ thuật	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,26
3.3	Kiểm tra đo lường	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	1,26
4	Xử lý số liệu - Báo cáo kết quả	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	1
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp					0,32
Công Định mức lao động					3,48

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính (ca)	Định mức
1	Quả cân chuẩn 500 kg	- Cấp chính xác: M - Số lượng: 48 quả	Ca	1
2	Quả cân chuẩn 20 kg	- Cấp chính xác: M - Số lượng: 10 quả	Ca	1
3	Quả cân chuẩn 1 kg	- Cấp chính xác: M - Số lượng: 20 quả	Ca	1
4	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	1
5	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,5
6	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,5
7	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,25

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1

7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Khẩu trang y tế	Cái	2
10	Găng tay	Đôi	2
11	Giấy lau	Hộp	0,3
12	Giày bảo hộ	Đôi	2
13	Thước cuộn (trên 20m)	Cái	1
14	Tem hiệu chuẩn	Cái	1
16	Điện năng	kWh	2

3. Hiệu chuẩn cân bàn và cân đĩa (ĐM.03.03)

a) Thành phần công việc

- Tiếp nhận yêu cầu hiệu chuẩn;
- Chuẩn bị Chuẩn đo lường phục vụ hiệu chuẩn;
- Tiến hành kiểm định:
  + Kiểm tra bên ngoài;
  + Kiểm tra kỹ thuật;
  + Kiểm tra đo lường;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả hiệu chuẩn;
- Trả kết quả.

b) Định mức chi tiết: Thiết bị/lần

- Định mức lao động

STT	Nội dung công việc	Nhân công			
		Số lượng	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp					1,77
1	Tiếp nhận yêu cầu	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
2	Chuẩn bị Chuẩn hiệu chuẩn	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,26
3	Tiến hành				
3.1	Kiểm tra bên ngoài	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,13

3.2	Kiểm tra kỹ thuật	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,13
3.3	Kiểm tra đo lường	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,63
4	Xử lý số liệu - Báo cáo kết quả	02	Hiệu chuẩn viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,5
5	Trả kết quả	01	Nhân viên tiếp nhận và trả KQ	Kỹ sư bậc 1/9	0,06
Định mức lao động gián tiếp					0,18
Cộng Định mức lao động					1,95

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính (ca)*	Định mức
1	Quả cân chuẩn có tổng khối lượng đến 5000 kg (gồm quả 1 kg, 2 kg, 5 kg, 10 kg, 20 kg, 500 kg)	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,5
2	Bộ quả cân đến 200 g	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,5
3	Bộ quả cân xác định sai số	- Cấp chính xác: M_1	Ca	0,5
4	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,5
5	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,5
6	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,25
7	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,25

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Khẩu trang y tế	Cái	2
10	Găng tay	Đôi	2

11	Giấy lau	Hộp	0,3
12	Giày bảo hộ	Đôi	2
13	Thước cuộn (trên 2 m)	Cái	1
14	Tem hiệu chuẩn	Cái	1
16	Điện năng	kWh	2

Điều 7. Dịch vụ tư vấn, duy trì ISO 9001 trong các cơ quan hành chính (ĐM.04)

1. Tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN cấp chi cục hoặc tương đương trực thuộc cơ quan cấp Sở, cấp cục trên địa bàn tỉnh, cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện (ĐM.04.01)

a) Thành phần công việc

Nội dung dịch vụ tư vấn xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN cấp chi cục hoặc tương đương trực thuộc cơ quan cấp sở, cấp cục trên địa bàn tỉnh, cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện, bao gồm 08 bước như sau:

Bước 1. Chuẩn bị hoạt động tư vấn (tiếp xúc ban đầu, xem xét khả năng tiến hành tư vấn, chuẩn bị tài liệu…)

Bước 2. Đánh giá thực trạng và lập kế hoạch tư vấn

Bước 3. Đào tạo, tập huấn (kiến thức về HTQLCL, cách thức xây dựng, áp dụng hệ thống tài liệu, đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ)

Bước 4. Hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc

Bước 5. Hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc

Bước 6. Hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục, cải tiến HTQLCL

Bước 7. Hướng dẫn hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng

Bước 8. Hướng dẫn công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật Hệ thống quản lý chất lượng

b) Định mức chi tiết: Đơn vị/lần

- Định mức lao động:

STT	Nội dung các bước công việc	Nhân công

	thực hiện	Chức danh	Cấp bậc	Đơn vị tính	Định mức
Định mức lao động trực tiếp					18
1	Chuẩn bị hoạt động tư vấn	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	01
2	Đánh giá thực trạng và lập kế hoạch tư vấn	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	02
3	- Đào tạo kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng, cách thức xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc; - Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ.	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	03
4	Hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc.	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	06
5	Hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	02
6	Hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục, cải tiến HTQLCL	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	02
7	Hướng dẫn hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoàn thiện HTQLCL	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	01
8	Hướng dẫn công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật HTQLCL	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	01
Định mức lao động gián tiếp (15% định mức lao động trực tiếp)					2,7
Cộng định mức lao động					20,7

- Định mức thiết bị

STT	Nội dung các bước công việc	Thiết bị sử dụng			
		Thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Chuẩn bị hoạt động tư vấn	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	01

		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
2	Đánh giá thực trạng và lập kế hoạch tư vấn	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	02
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,038
3	- Đào tạo kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng, cách thức xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc; - Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ.	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	03
		Máy chiếu	Cường độ chiếu sáng ≥ 2500 Ansilumnent	Ca	03
		Bảng chiếu	100 inch	Ca	03
4	Hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	06
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
5	Hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	02
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
6	Hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục, cải tiến HTQLCL.	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	02
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
7	Hướng dẫn hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoàn thiện HTQLCL	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	01
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
8	Hướng dẫn công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật HTQLCL	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	01
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025

- Định mức vật tư

STT	Nội dung các bước công việc	Vật tư sử dụng			
		Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị tính	Định mức
1	Chuẩn bị hoạt động tư vấn	Giấy in	A4	gram	0,06
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,02
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/120 trang	0,05
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
2	Đánh giá thực trạng và lập kế hoạch tư vấn	Giấy in	A4	gram	0,06
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,02
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/120 trang	0,20
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
3	Đào tạo kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng, cách thức xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc và chuyên gia đánh giá nội bộ	Bút dạ viết bảng	Loại thông dụng	Chiếc	5,00
		Bút trình chiếu	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
		Bảng viết	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
		Pin dùng cho bút trình chiếu	Loại thông dụng	Viên	2,00
		Tài liệu cho học viên	A4	Trang/Bộ tài liệu/học viên	160,00
		Túi đựng tài liệu	Loại thông dụng	Chiếc/học viên	1,00
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc/học viên	1,00
4	Hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc	Giấy in	A4	gram	0,10
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,033
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/ 120 trang	0,20

		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
5	Hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL	Giấy in	A4	gram	0,08
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,027
		Sổ ghi chép	A4	Quyển/ 120 trang	0,10
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
6	Hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục, cải tiến HTQLCL	Giấy in	A4	gram	0,06
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,02
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/120 trang	0,20
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
7	Hướng dẫn hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoàn thiện HTQLCL	Giấy in	A4	gram	0,03
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,01
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/ 120 trang	0,05
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
8	Hướng dẫn công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật HTQLCL	Giấy in	A4	gram	0,03
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,01
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/ 120 trang	0,05
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00

2. Tư vấn xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN UBND cấp xã (ĐM.04.02)

a) Thành phần công việc

Nội dung dịch vụ tư vấn xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN cấp chi cục hoặc tương đương trực thuộc cơ quan cấp Sở, cấp cục trên địa

bàn tỉnh, cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện, bao gồm 08 bước như sau:

Bước 1. Chuẩn bị hoạt động tư vấn (tiếp xúc ban đầu, xem xét khả năng tiến hành tư vấn, chuẩn bị tài liệu…)

Bước 2. Đánh giá thực trạng và lập kế hoạch tư vấn

Bước 3. Đào tạo, tập huấn (kiến thức về HTQLCL, cách thức xây dựng, áp dụng hệ thống tài liệu, đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ)

Bước 4. Hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc

Bước 5. Hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc

Bước 6. Hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục, cải tiến HTQLCL

Bước 7. Hướng dẫn hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng

Bước 8. Hướng dẫn công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật Hệ thống quản lý chất lượng

b) Định mức chi tiết: Đơn vị/lần

- Định mức lao động:

STT	Nội dung các bước công việc thực hiện	Nhân công			
		Chức danh	**Cấp bậc**	**Đơn vị tính**	**Định mức**
Định mức lao động trực tiếp					**18**
1	Chuẩn bị hoạt động tư vấn	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	01
2	Đánh giá thực trạng và lập kế hoạch tư vấn	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	02
3	- Đào tạo kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng, cách thức xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc; - Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ.	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	03
4	Hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc.	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	06

5	Hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	02
6	Hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục, cải tiến HTQLCL	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	02
7	Hướng dẫn hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoàn thiện HTQLCL	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	01
8	Hướng dẫn công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật HTQLCL	Chuyên gia tư vấn	Mức 4	Công	01
Định mức lao động gián tiếp (15% định mức lao động trực tiếp)					2,7
Cộng định mức lao động					20,7

- Định mức thiết bị

STT	Nội dung các bước công việc	Thiết bị sử dụng			
		Thiết bị	**Yêu cầu kỹ thuật**	**Đơn vị tính**	**Định mức**
1	Chuẩn bị hoạt động tư vấn	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	01
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
2	Đánh giá thực trạng và lập kế hoạch tư vấn	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	02
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,038
3	- Đào tạo kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng, cách thức xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc; - Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ.	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	03
		Máy chiếu	Cường độ chiếu sáng ≥ 2500 Ansilumnent	Ca	03
		Bảng chiếu	100 inch	Ca	03
4	Hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	06

	công việc	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
5	Hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	02
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
6	Hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc phục, cải tiến HTQLCL.	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	02
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
7	Hướng dẫn hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoàn thiện HTQLCL	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	01
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025
8	Hướng dẫn công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật HTQLCL	Máy tính xách tay	Loại thông dụng	Ca	01
		Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,025

- Định mức vật tư

STT	**Nội dung các bước công việc**	**Vật tư sử dụng**			
		Tên vật liệu	**Quy cách**	**Đơn vị tính**	**Định mức**
1	Chuẩn bị hoạt động tư vấn	Giấy in	A4	gram	0,06
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,02
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/120 trang	0,05
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
2	Đánh giá thực trạng và lập kế hoạch tư vấn	Giấy in	A4	gram	0,06
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,02

		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/120 trang	0,20
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
3	Đào tạo kiến thức về Hệ thống quản lý chất lượng, cách thức xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc và chuyên gia đánh giá nội bộ	Bút dạ viết bảng	Loại thông dụng	Chiếc	5,00
		Bút trình chiếu	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
		Bảng viết	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
		Pin dùng cho bút trình chiếu	Loại thông dụng	Viên	2,00
		Tài liệu cho học viên	A4	Trang/Bộ tài liệu/học viên	160,00
		Túi đựng tài liệu	Loại thông dụng	Chiếc/học viên	1,00
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc/học viên	1,00
4	Hướng dẫn thực tế xây dựng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc	Giấy in	A4	gram	0,10
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,033
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/ 120 trang	0,20
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
5	Hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ cán bộ, công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL	Giấy in	A4	gram	0,08
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,027
		Sổ ghi chép	A4	Quyển/ 120 trang	0,10
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
6	Hướng dẫn thực hiện đánh giá nội bộ, thực hiện hành động khắc	Giấy in	A4	gram	0,06

	phục, cải tiến HTQLCL	Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,02
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/120 trang	0,20
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
7	Hướng dẫn hoạt động xem xét của Lãnh đạo và hoàn thiện HTQLCL	Giấy in	A4	gram	0,03
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,01
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/ 120 trang	0,05
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00
8	Hướng dẫn công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật HTQLCL	Giấy in	A4	gram	0,03
		Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,01
		Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển/ 120 trang	0,05
		Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,00

Điều 8. Tổ chức triển lãm khoa học và công nghệ (ĐM.05)

a) Thành phần công việc

(1) Xây dựng nhiệm vụ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Lập kế hoạch, xây dựng đề án tổ chức triển lãm:

- Lập kế hoạch làm việc tổ chức triển lãm;
- Xây dựng đề án tổ chức.

(3) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(4) Tổ chức truyền thông cho triển lãm.

(4.1) Tổ chức hội nghị giới thiệu, họp báo:

- Lập kế hoạch tổ chức hội nghị giới thiệu sự kiện;
- Lập danh sách khách mời, thư mời, gửi thư mời;
- Chuẩn bị tài liệu hội nghị;
- Xây dựng nội dung và phương án thiết kế phòng hội nghị, họp báo.

(4.2) Quảng cáo trên truyền hình, báo chí, mạng xã hội....:

- Xây dựng nội dung quảng cáo;

- Xây dựng kế hoạch quảng cáo.

(4.3) Giới thiệu triển lãm trên các trang thông tin điện tử:

- Xây dựng nội dung giới thiệu triển lãm;

- Liên hệ, gửi bài các trang thông tin điện tử.

(5) Thuê địa điểm tổ chức triển lãm.

(6) Xác định, thu thập thông tin, tư liệu cho triển lãm:

- Xác định nguồn thông tin, tư liệu cho triển lãm;

- Lập kế hoạch thu thập thông tin, tư liệu cho triển lãm;

- Thiết kế các poster;

- Tổ chức in ấn các poster.

(7) Xây dựng phương án trang trí tổng thể.

(8) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án thiết kế, trang trí tổng thể.

(9) Giám sát thi công trang trí triển lãm.

(10) Tổ chức lễ khai mạc:

- Xây dựng phương án và kịch bản tổ chức:

+ Lập danh sách khách mời, gửi giấy mời;

+ Xây dựng chương trình và kịch bản;

+ Lập phương án, chuẩn bị nhân lực phục vụ;

+ Chuẩn bị bài phát biểu khai mạc, dẫn chương trình.

- Thiết kế, dàn dựng, trang trí.

(11) Xây dựng báo cáo tổng kết.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

Đơn vị tính: 1 sự kiện

Thành phần hao phí	**Đơn vị tính**	**Trị số định mức**
1	*2*	*3*
Nhân công		
Lao động trực tiếp		
Chuyên viên/Kỹ sư hạng III bậc 3/9	Công	11,63
Chuyên viên/Kỹ sư hạng III bậc 5/9	Công	43,34
Lao động gián tiếp (tương đương 15%)	Công	8,2455
Máy móc, thiết bị sử dụng		

Máy tính để bàn	Ca	53,96
Máy in	Ca	0,36
Vật liệu sử dụng		
Giấy A4	Gram	1,74
Mực in	Hộp	0,58

Ghi chú:

- Bảng định mức trên được áp dụng cho 01 sự kiện với quy mô là 100 poster. Nếu tăng/giảm 25 poster thì định mức (Vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng/giảm là 1,05/0,95.

- Trường hợp nếu số poster tăng giảm với bước nhảy khác 25 thì định mức (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) được nhân với hệ số tăng/giảm theo công thức nội suy 2 chiều sau:

$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$

Trong đó:

A: Hệ số các thành phần hao phí (vật liệu, nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng) tương ứng với số poster B

B: Số poster cần xác định hệ số

b1: Số poster tại cận dưới liền kề với poster B

b2: Số poster tại cận trên liền kề với poster B

a1: Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới b1

a2: Định mức các thành phần hao phí tại cận trên b2

Điều 9. Điều tra thống kê khoa học và công nghệ (ĐM.06)

a) Thành phần công việc

(1) Xây dựng kế hoạch, thuyết minh nhiệm vụ, dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Xây dựng dự thảo phương án điều tra:

- Tham khảo phương pháp luận của các tổ chức trong và ngoài nước;

- Xây dựng nội dung phương án điều tra;

- Thiết kế mẫu phiếu điều tra;

- Xây dựng hướng dẫn điền phiếu;

- Xây dựng bảng kết quả đầu ra số liệu.

(3) Trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự thảo phương án điều tra.

(4) Tiếp thu, giải trình và hoàn thiện phương án.

(5) Trình cấp có thẩm quyền quyết định tổ chức điều tra.

(6) Tổ chức tập huấn về điều tra thống kê:

- Xây dựng sổ tay điều tra;

- Gửi công văn mời đại biểu là các đầu mối điều tra tại các bộ ngành và địa phương tham dự lớp tập huấn;

- Chuẩn bị hội trường, máy chiếu, giải khát giữa giờ, văn phòng phẩm... phục vụ lớp tập huấn;

- Xây dựng các bài giảng;

- Thực hiện tập huấn.

(7) Triển khai điều tra thống kê:

- Lập danh sách đối tượng điều tra;

- In phiếu điều tra;

- Gửi phiếu điều tra và ký hợp đồng điều tra;

- Phối hợp làm hợp đồng tạm ứng kinh phí điều tra;

- Thu thập phiếu điều tra, phối hợp làm thủ tục thanh quyết toán hợp đồng với điều tra viên.

(8) Xử lý, tổng hợp và phân tích số liệu điều tra:

- Rà soát, đối chiếu số liệu điều tra;

- Nhập phiếu điều tra vào CSDL;

- Tổng hợp, thống kê số liệu, xây dựng báo cáo phân tích số liệu;

- Công bố số liệu điều tra.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

Đơn vị tính: 01 cuộc điều tra

Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	*2*	*3*
Nhân công		
Lao động trực tiếp		
Chuyên viên/Kỹ sư hạng III bậc 5/9	Công	342,3
Chuyên viên/Kỹ sư hạng III bậc 6/9	Công	658,9
Lao động gián tiếp (tương đương 15%)	Công	150,18
Máy móc, thiết bị sử dụng		
Máy tính để bàn	Ca	853,4
Máy in	Ca	8,5

Vật liệu sử dụng		
Giấy A4	Gram	40,8
Mực in	Hộp	13,6

Điều 10. Dịch vụ đo liều chiếu xạ cá nhân (ĐM.07)

1. Kiểm xạ phòng chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế (ĐM.07.01)

a) Thành phần công việc

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư;
- Tiến hành đo đạc;
- Đánh giá an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ và công chúng;
- Báo cáo kết quả kiểm xạ;

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

- Định mức lao động

Thiết bị/lần

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Tổng định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp						3
1.	Chuẩn bị	03	Trưởng nhóm, Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,75
2.	Tiến hành đo đạc	03	Trưởng nhóm, Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,75
3.	Đánh giá an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ và công chúng	02	Trưởng nhóm, Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,50	1
4.	Báo cáo kết quả kiểm xạ	02	Trưởng nhóm, Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)						0.3
Cộng Định mức lao động :						3,3

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị[1,2]	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy đo suất liều bức xạ 1	Dải suất liều đo từ 0,1 µSv/h	Ca	0,25

2	Máy đo suất liều bức xạ 2	Dải suất liều đo từ 0,1 µSv/h	Ca	0,25
3	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,75
4	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,125
5	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
6	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125
7	Máy hút ẩm	Loại thông dụng	Ca	0,75
8	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	0,25
9	Ẩm kế	Loại thông dụng	Ca	0,25
10	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	0,25

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1.	Cồn tinh khiết	ml	60
2.	Khẩu trang	Cái	2
3.	Găng tay y tế	Đôi	2
4.	Giấy A4	Gram	0,15
5.	Mực in laser	Hộp	0,05
6.	Ghim	Hộp	0,1
7.	Bút ghi chép	Hộp	0,1
8.	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
9.	Cặp file	Cái	1
10.	Túi đựng tài liệu	Cái	1
11.	Sổ công tác	Cuốn	0,2
12.	Giấy lau	Hộp	0,1
13.	Pin tiểu	Viên	2

14.	Pin vuông 9V	Viên	2
15.	Bột nhiệt phát quang	Gram	0,25
16.	Nitơ khí	Chai	1
17.	Quần áo bảo hộ	Bộ	3
18.	Thước cuộn	Cái	0,05

2. Kiểm xạ thiết bị phát bức xạ cố định dùng trong công nghiệp (thiết bị phân tích huỳnh quang tia X, thiết bị soi kiểm tra bo mạch, soi kiểm tra an ninh, thiết bị đo chiều dày, thiết bị đo mức) (ĐM.07.02)

a) Thành phần công việc

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư;
- Tiến hành đo đạc;
- Đánh giá an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ và công chúng;
- Báo cáo kết quả kiểm xạ;

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

- Định mức lao động

Đơn vị tính: Thiết bị/lần

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Tổng định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp						2
1	Chuẩn bị	03	Trưởng nhóm, Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,75
2	Tiến hành đo đạc	02	Trưởng nhóm, Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
3	Đánh giá an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ và công chúng	02	Trưởng nhóm, Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5

4	Báo cáo kết quả kiểm xạ	02	Trưởng nhóm, Thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)						0,2
Cộng Định mức lao động:						2,2

- ***Định mức thiết bị:***

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy đo suất liều bức xạ 1	Dải suất liều đo từ 0,1 µSv/h	Ca	0,25
2	Máy đo suất liều bức xạ 2	Dải suất liều đo từ 0,1 µSv/h	Ca	0,25
3	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,75
4	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,125
5	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
6	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125
7	Máy hút ẩm	Loại thông dụng	Ca	0,75
8	Nhiệt kể	Loại thông dụng	Ca	0,25
9	Ẩm kế	Loại thông dụng	Ca	0,25
10	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	0,25

- ***Định mức vật tư:***

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1.	Cồn tinh khiết	ml	60
2.	Khẩu trang	Cái	2
3.	Găng tay y tế	Đôi	2
4.	Giấy A4	Gram	0,15
5.	Mực in laser	Hộp	0,05
6.	Ghim	Hộp	0,1
7.	Bút ghi chép	Hộp	0,1
8.	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
9.	Cặp file	Cái	1
10.	Túi đựng tài liệu	Cái	1
11.	Sổ công tác	Cuốn	0,2

12.	Giấy lau	Hộp	0,1
13.	Pin tiểu	Viên	2
14.	Pin vuông 9V	Viên	2
15.	Bột nhiệt phát quang	Gram	0,25
16.	Nitơ khí	Chai	1
17.	Quần áo bảo hộ	Bộ	3
18.	Thước cuộn	Cái	0,05

Điều 11. Dịch vụ kiểm định thiết bị ghi đo bức xạ (ĐM.08)

1. Kiểm định thiết bị X-quang tổng hợp dùng trong y tế (ĐM.08.01)

a) Thành phần công việc

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư;
- Kiểm tra ngoại quan;
- Kiểm tra điện áp đỉnh kVp;
- Kiểm tra thời gian phát tia;
- Kiểm tra liều lối ra;
- Kiểm tra kích thước tiêu điểm hiệu dụng của bóng X-quang;
- Kiểm tra độ chuẩn trực của chùm tia X;
- Kiểm tra độ trùng khít giữa trường sáng, trường xạ;
- Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp (đánh giá HVL);
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

- *Định mức lao động:*

Thiết bị/lần

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Tổng định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp						2,5
1.	Kiểm tra ngoại quan	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25

2.	Kiểm tra điện áp đỉnh kVp	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
3.	Kiểm tra thời gian phát tia	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
4.	Kiểm tra liều lối ra	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
5.	Kiểm tra kích thước tiêu điểm hiệu dụng của bóng X-quang	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
6.	Kiểm tra độ chuẩn trực chùm tia X	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
7.	Kiểm tra độ trùng khít trường sáng, trường xạ	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
8.	Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp (đánh giá HVL)	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
9.	Xử lý số liệu	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
10.	Báo cáo kết quả kiểm định	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)						0,25
Cộng Định mức lao động						2,75

- ***Định mức thiết bị:***

STT	Loại thiết bị[1]	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1.	Thiết bị đo đa năng	(Dải điện áp đo: 40kV÷120kV Dải thời gian đo: 20ms÷1s Dải liều đo: 0,0H2R)	Ca	0,375
2.	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,250

3.	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,250
4.	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
5.	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125
6.	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	0,125
7.	Ẩm kế	Loại thông dụng	Ca	0,125
8.	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	0,125
9.	Thiết bị đo trực tiếp HVL hoặc các tấm lọc nhôm tinh khiết	Loại thông dụng	Ca	0,125
10.	Vật tư kiểm tra kích thước tiêu điểm	Loại thông dụng	Ca	0,125
11.	Vật tư kiểm tra độ chuẩn trực	Loại thông dụng	Ca	0,125
12.	Vật tư kiểm tra độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ	Loại thông dụng	Ca	0,125

- Định mức vật tư:

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Pin tiểu	Viên	9
10	Khẩu trang y tế	Cái	2
11	Găng tay	Đôi	2
12	Giấy lau	Hộp	0,3
13	Dép đi trong phòng	Đôi	0,04
14	Quần áo bảo hộ	Bộ	2
15	Phim	Tấm	1

16	Bột nhiệt phát quang	Gram	0,15
17	Thước cân bằng	Cái	0,1
18	Thước cuộn	Cái	0,2
19	Dập ghim	Cái	0,05

2. Kiểm định thiết bị X-quang di động dùng trong y tế (ĐM.08.02)

a) Thành phần công việc

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư;
- Kiểm tra ngoại quan;
- Kiểm tra điện áp đỉnh kVp;
- Kiểm tra thời gian phát tia;
- Kiểm tra độ lặp lại liều lối ra/ độ tuyến tính liều lối ra;
- Kiểm tra kích thước tiêu điểm hiệu dụng của bóng X-quang;
- Kiểm tra độ chuẩn trực của chùm tia X;
- Kiểm tra độ trùng khít giữa trường sáng, trường xạ;
- Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp (đánh giá HVL);
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

- *Định mức công:*

Đơn vị tính: Thiết bị/lần

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Tổng định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp						3,382
1	Kiểm tra ngoại quan	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
2	Kiểm tra điện áp đỉnh kVp	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376

3	Kiểm tra thời gian phát tia	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376
4	Kiểm tra độ lặp lại liều lối ra / độ tuyến tính liều lối ra	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376
5	Kiểm tra kích thước tiêu điểm hiệu dụng của bóng X-quang	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376
6	Kiểm tra độ chuẩn trực chùm tia X	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376
7	Kiểm tra độ trùng khít trường sáng, trường xạ	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376
8	Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp (đánh giá HVL)	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376
9	Xử lý số liệu	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
10	Báo cáo kết quả kiểm định	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)						0,3382
Cộng Định mức lao động						3,72

- ***Định mức thiết bị:***

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1.	Thiết bị đo đa năng	Dải điện áp đo: 40kV÷120kV Dải thời gian đo: 20ms÷1s Dải liều đo: 0,01÷2R	Ca	0,563
2.	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,250
3.	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,250

4.	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
5.	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125
6.	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	0,250
7.	Ẩm kế	Loại thông dụng	Ca	0,250
8.	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	0,250
9.	Thiết bị đo trực tiếp HVL hoặc các tấm lọc nhôm tinh khiết	Loại thông dụng	Ca	0,188
10.	Vật tư kiểm tra kích thước tiêu điểm	Loại thông dụng	Ca	0,188
11.	Vật tư kiểm tra độ chuẩn trực	Loại thông dụng	Ca	0,188
12.	Vật tư kiểm tra độ trùng khít giữa trường sáng và trường xạ	Loại thông dụng	Ca	0,188

- Định mức vật tư:

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Pin tiểu	Viên	9
10	Khẩu trang y tế	Cái	2
11	Găng tay	Đôi	2
12	Giấy lau	Hộp	0,3
13	Dép đi trong phòng	Đôi	0,04
14	Quần áo bảo hộ	Bộ	2

15	Phim	Tấm	1
16	Bột nhiệt phát quang	Gram	0,15
17	Thước cân bằng	Cái	0,1
18	Thước cuộn	Cái	0,2
19	Dập ghim	Cái	0,05

3. Kiểm định thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình dùng trong y tế (ĐM.08.03)

a) Thành phần công việc

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư;
- Kiểm tra ngoại quan;
- Kiểm tra điện áp đỉnh kVp;
- Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp;
- Kiểm tra khu trú chùm tia;
- Kiểm tra kích thước tiêu điểm hiệu dụng của bóng X-quang;
- Kiểm tra suất liều lối ra;
- Kiểm tra suất liều bề mặt bộ ghi nhận hình ảnh;
- Kiểm tra chất lượng hình ảnh;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

- Định mức lao động:

Đơn vị tính: Thiết bị/lần

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Tổng định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp						4,502
1	Kiểm tra ngoại quan	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376
2	Kiểm tra điện áp đỉnh kVp	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5

3	Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp (đánh giá HVL)	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
4	Kiểm tra khu trú chùm tia	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
5	Kiểm tra kích thước tiêu điểm hiệu dụng của bóng X-quang	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
6	Kiểm tra suất liều lối ra	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
7	Kiểm tra suất liều lối vào bề mặt bộ ghi nhận hình ảnh	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
8	Kiểm tra chất lượng hình ảnh	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
9	Xử lý số liệu	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,188	0,376
10	Báo cáo kết quả kiểm định	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)						0,450
Cộng Định mức lao động						4,952

- Định mức thiết bị

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1.	Thiết bị đo đa năng	Dải điện áp đo: 40kW÷120kV Dải thời gian đo: 20ms÷4s Dải liều đo:0,01÷2R	Ca	0,500
2.	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,250
3.	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,250

4.	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
5.	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125
6.	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	0,250
7.	Ẩm kế	Loại thông dụng	Ca	0,250
8.	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	0,250
9.	Thiết bị đo trực tiếp HVL hoặc các tấm lọc nhôm tinh khiết	Loại thông dụng	Ca	0,188
10.	Bộ vật tư kiểm tra chất lượng hình ảnh (độ méo vặn ảnh, độ phân giải tương phản cao, độ phân giải tương phản thấp, ngưỡng tương phản)	Loại thông dụng	Ca	0,188
11.	Các tấm hấp thụ tia X có bề dày tương đương 2 mm, 3 mm chì và 2 mm đồng	Loại thông dụng	Ca	0,100

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Pin tiểu	Viên	9
10	Khẩu trang y tế	Cái	2
11	Găng tay	Đôi	2
12	Giấy lau	Hộp	0,3
13	Dép đi trong phòng	Đôi	0,04

14	Quần áo bảo hộ	Bộ	2
15	Phim	Tấm	1
16	Bột nhiệt phát quang	Gram	0,15
17	Thước cân bằng	Cái	0,1
18	Thước cuộn	Cái	0,2
19	Dập ghim	Cái	0,05

4. Kiểm định thiết bị chụp cắt lớp vi tính dùng trong y tế (ĐM.08.04)

a) Thành phần công việc

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư;
- Kiểm tra ngoại quan;
- Kiểm tra độ chính xác của dịch chuyển bàn bệnh nhân;
- Kiểm tra độ chính xác số CT, độ đồng đều, nhiễu;
- Độ phân giải không gian/tương phản cao;
- Độ phân giải tương phản thấp;
- Độ dày lát cắt;
- Độ chính xác tâm lát cắt;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

- Định mức lao động:

Đơn vị tính: Thiết bị/lần

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Tổng định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp						4,5
1	Kiểm tra ngoại quan	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
2	Kiểm tra độ chính xác của dịch chuyển bàn bệnh nhân	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5

3	Kiểm tra độ chính xác số CT, độ đồng đều, nhiễu	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
4	Độ phân giải không gian/ tương phản cao	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
5	Độ phân giải tương phản thấp	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
6	Độ dày lát cắt	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
7	Độ chính xác tâm lát cắt	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
8	Xử lý số liệu	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
9	Báo cáo kết quả kiểm định	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,25	0,5
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)						0,45
Cộng Định mức lao động						4,95

- ***Định mức thiết bị***

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,500
2	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,500
3	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,250
4	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,250
5	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
6	Ẩm kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
7	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
8	Phantom	Loại thông dụng	Ca	0,500
9	Liều kế cá nhân*	Đọc 02 chỉ tiêu	Ca	0,25

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Pin tiểu	Viên	9
10	Khẩu trang y tế	Cái	2
11	Găng tay	Đôi	2
12	Giấy lau	Hộp	0,3
13	Dép đi trong phòng	Đôi	0,04
14	Quần áo bảo hộ	Bộ	2
15	Dập ghim	Cái	0,05
16	Bột nhiệt phát quang	Gram	0,15
17	Thước cân bằng	Cái	0,1
18	Thước cuộn	Cái	0,2

5. Kiểm định thiết bị X-quang chụp vú dùng trong y tế (ĐM.08.05)

a) Thành phần công việc

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư;
- Kiểm tra ngoại quan;
- Kiểm tra thiết bị nén;
- Kiểm tra điện áp đỉnh;
- Kiểm tra liều lối ra;
- Kiểm tra bộ khu trú chùm tia;
- Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp (đánh giá HVL);
- Kiểm tra chất lượng hình ảnh;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

- Định mức công lao động:

Đơn vị tính: Thiết bị/lần

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	**Vị trí**	**Chức danh**	**Định mức (công)**	**Tổng định mức (công)**
Định mức lao động trực tiếp						2,25
1	Kiểm tra ngoại quan	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
2	Kiểm tra thiết bị nén	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
3	Kiểm tra điện áp đỉnh	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
4	Kiểm tra liều lối ra	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
5	Kiểm tra bộ khu trú chùm tia	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
6	Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp (Đánh giá HVL)	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
7	Kiểm tra chất lượng hình ảnh	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
8	Xử lý số liệu	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
9	Báo cáo kết quả kiểm định	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)						0,225
Cộng Định mức lao động						2,475

- ***Định mức thiết bị***

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1.	Thiết bị đo đa năng	Dải điện áp đo: 25kV÷35kV Dải liều đo: 0,5÷100mGy hoặc mR	Ca	0,375
2.	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,500
3.	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,500
4.	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,250
5.	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,250
6.	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
7.	Ẩm kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
8.	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
9.	Thiết bị đo trực tiếp HVL hoặc tấm lọc nhôm tinh khiết	Loại thông dụng	Ca	0,125
10.	Thiết bị kiểm tra lực nén	Loại thông dụng	Ca	0,125
11.	Bộ phantom	Loại thông dụng	Ca	0,125
12.	Tấm nhựa polymethyl methacrylate	Loại thông dụng	Ca	0,125

- ***Định mức vật tư***

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Pin tiểu AAA	Viên	4
3	Giấy A4	Gram	0,15
4	Mực in laser	Hộp	0,05
5	Ghim	Hộp	0,1
6	Bút ghi chép	Hộp	0,1
7	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
8	File tài liệu	Cái	1
9	Túi đựng tài liệu	Cái	1

10	Thước cuộn	Cái	0,2
11	Khẩu trang y tế	Cái	2
12	Găng tay	Đôi	2
13	Giấy lau	Hộp	0,3
14	Dép đi trong phòng	Đôi	0,04
15	Quần áo bảo hộ	Bộ	2
16	Băng dính huỳnh quang	Cuộn	0,05
17	Bột nhiệt phát quang	Gram	0,15
18	Thước cân bằng	Cái	0,1

6. Kiểm định thiết bị X-quang chụp răng dùng trong y tế (ĐM.08.06)

a) Thành phần công việc

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ, vật tư;
- Kiểm tra ngoại quan;
- Kiểm tra bộ khu trú chùm tia;
- Kiểm tra điện áp đỉnh;
- Kiểm tra thời gian phát tia;
- Kiểm tra liều lối ra;
- Kiểm tra lọc chùm tia sơ cấp (đánh giá HVL);
- Kiểm tra chất lượng hình ảnh;
- Xử lý số liệu;
- Báo cáo kết quả kiểm định.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật

- Định mức công lao động:

Đơn vị tính: Thiết bị/lần

STT	Nội dung công việc	Nhân công				
		Số lượng người	Vị trí	Chức danh	Định mức (công)	Tổng định mức (công)
Định mức lao động trực tiếp						2,25
1	Kiểm tra ngoại quan	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25

2	Kiểm tra bộ khu trú chùm tia	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
3	Kiểm tra điện áp đỉnh	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
4	Kiểm tra thời gian phát tia	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
5	Kiểm tra liều lối ra	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
6	Kiểm tra lọc trùm tia sơ cấp (Đánh giá HVL)	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
7	Kiểm tra chất lượng hình ảnh	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
8	Xử lý số liệu	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
9	Báo cáo kết quả kiểm định	02	Trưởng nhóm, thành viên	Kỹ sư bậc 1/9	0,125	0,25
Định mức lao động gián tiếp (10% định mức lao động trực tiếp)						0,225
Cộng Định mức lao động						2,475

- ***Định mức thiết bị***

STT	Loại thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1.	Thiết bị đo đa năng	Dải điện áp đo: 40kW÷120kV Dải thời gian đo: 20ms÷1s Dải liều đo: 0,01÷2R	Ca	0,500
2.	Điều hòa nhiệt độ	Loại thông dụng	Ca	0,375
3.	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,375
4.	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,125
5.	Máy photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,125

6.	Nhiệt kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
7.	Ẩm kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
8.	Áp kế	Loại thông dụng	Ca	0,500
9.	Thiết bị đo trực tiếp HVL hoặc tấm lọc nhôm tinh khiết	Loại thông dụng	Ca	0,125
10.	Bộ phantom	Loại thông dụng	Ca	0,125

- Định mức vật tư

STT	Loại vật tư	Đơn vị tính	Định mức
1	Sổ ghi chép	Cuốn	0,1
2	Giấy A4	Gram	0,15
3	Mực in laser	Hộp	0,05
4	Ghim	Hộp	0,1
5	Bút ghi chép	Hộp	0,1
6	Cặp kẹp biên bản	Cái	1
7	File tài liệu	Cái	1
8	Túi đựng tài liệu	Cái	1
9	Pin tiểu	Viên	3
10	Thước cuộn	Cái	0,2
11	Băng dính	Cuộn	0,01
12	Khẩu trang y tế	Hộp	0,1
13	Găng tay	Hộp	0,4
14	Giấy lau	Hộp	0,3
15	Dép đi trong phòng	Đôi	0,04
16	Phim	Tâm	1
17	Quần áo bảo hộ	Bộ	2
18	Bột nhiệt phát quang	Gram	0,15
19	Thước cân bằng	Cái	0,1